

Phụ lục 04

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Xuyên Mộc
(kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/6/2025 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)						
			TT Phước Bửu	Bàu Lâm	Bình Châu	Bông Trang	Bưng Riêng	Hòa Bình	Hòa Hiệp
(1)	(2)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	12,01	-	-	9,42	-	-	-	-
2.1	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)						
			TT Phước Bửu	Bà Lâm	Bình Châu	Bông Trang	Bưng Riềng	Hòa Bình	Hòa Hiệp
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	12,01	-	-	9,42	-	-	-	-
2.8.1	Đất công trình giao thông	9,42	-	-	9,42	-	-	-	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	2,59	-	-	-	-	-	-	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)						
			TT Phước Bửu	Bà Lâm	Bình Châu	Bông Trang	Bưng Riềng	Hòa Bình	Hòa Hiệp
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất tôn giáo	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đất tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-

(Tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)					
			Hòa Hội	Hòa Hưng	Phước Tân	Phước Thuận	Tân Lâm	Xuyên Mộc
(1)	(2)	(4)=(5)+(6)+...	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)					
			Hòa Hội	Hòa Hưng	Phước Tân	Phước Thuận	Tân Lâm	Xuyên Mộc
1.9	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	12,01	-	-	-	2,59	-	-
2.1	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	-	-	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	-	-	-	-	-	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	-	-	-	-	-	-	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	-	-	-	-	-	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	-	-	-	-	-	-	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	12,01	-	-	-	2,59	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)					
			Hòa Hội	Hòa Hưng	Phước Tân	Phước Thuận	Tân Lâm	Xuyên Mộc
2.8.1	Đất công trình giao thông	9,42	-	-	-	-	-	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	2,59	-	-	-	2,59	-	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	-	-	-	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	-	-	-	-	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	-	-	-	-	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	-	-	-	-	-	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất tôn giáo	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đất tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	-	-	-	-	-	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 05

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/6/2025 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch						
I.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
a	Đất quốc phòng (01)						
1	Tiểu đoàn Pháo Binh 10,31ha; Phần mở rộng Tiểu đoàn Pháo Binh 5ha	15,31	10,31	5,00	RPH	Xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
b	Đất an ninh (02)						
1	Trạm tuần tra kiểm soát	0,07	0,07			Xã Bình Châu	Chuyển tiếp
2	Trụ sở công an huyện Xuyên Mộc (phần mở rộng)	0,04	0,04			TT Phước Bửu	Chuyển tiếp
1	Nhà tạm giữ Công an huyện Xuyên Mộc	2,22		2,22	RSX	xã Bông Trang	Chuyển tiếp
I.2	Các công trình, dự án còn lại						
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng (09)						
a	Đất công trình giao thông (04)						
r	Tỉnh lộ 991 (Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hòa Bình-Bình Châu)	47,10	46,67	0,43	HNK, CLN	Hòa Bình, Hoà Hưng, Hòa Hội, Bình Châu	Chuyển tiếp
r	Đường Hòa Bình - Bưng Riềng - Bình Châu (đường 56)	25,87	23,91	1,96	HNK, CLN, RDD	Bưng Riềng	Chuyển tiếp
4	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 994 (Đoạn từ Cầu Sông Ray đến KDL Trung Thủy)	99,86	80,26	19,61	HNK, CLN, RPH, RDD, TMD, NTS, MNC	Phước Thuận, Bông Trang, Bưng Riềng, Bình Châu	Chuyển tiếp
b	Đất công trình thủy lợi (02)						

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Hợp phần bồi thường GPMB DD và TĐC hồ chứa nước Sông Ray (phần thu hồi bổ sung đến cao trình 73.2m)	4,11	2,78	1,33	HNK, CLN	Hòa Hưng, Bàu Lâm, Tân Lâm	Chuyển tiếp
2	Xây dựng các hồ chứa nước và tuyến ống tiếp nước cho các hồ chứa nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu	10,05	5,23	4,82	HNK, CLN, RSX	Bình Châu, Hòa Hội	Chuyển tiếp
c	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (02)						
1	Trạm 110kV Hồ Tràm và Đường dây đầu nối	0,69	0,033	0,66	LUA, RPH	xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
2	Đường dây 110kV 2 mạch Phước Thuận - Xuyên Mộc - Trạm 220kV Hàm Tân 2	1,10		1,10	LUA, HNK, CLN, RSX, RDD	Phước Thuận, Phước Tân, Hòa Bình, Hòa Hội, Bung Riềng, Bình Châu	Chuyển tiếp
d	Đất cụm công nghiệp (01)						
1	Cụm công nghiệp Phước Tân	50,00		50,00	CLN	xã Phước Tân, Hoà Bình	Chuyển tiếp
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất (06)						
a	Đất Thương mại, dịch vụ (04)						
1	Cửa hàng xăng, dầu 21	0,16		0,16	HNK, ONT	xã Hoà Bình	Chuyển tiếp
2	Cửa hàng xăng, dầu 27	0,11		0,11	CLN, ONT	xã Bình Châu	Chuyển tiếp
3	Cửa hàng xăng, dầu 28	0,22		0,22	CLN, ONT	xã Hoà Hiệp	Chuyển tiếp
4	Cửa hàng xăng, dầu 29	0,17		0,17	CLN, ONT	xã Xuyên Mộc	Chuyển tiếp
b	Dự án đất ở (02)						
1	Khu biệt thự Xuân Quang	2,38		2,38	HNK	Xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
2	Khu biệt thự vườn suối nước nóng Bình Châu	12,58	1,85	10,73	TMD	Xã Bình Châu	Chuyển tiếp
c	Hộ gia đình, cá nhân						
1	Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở	143,00		143,00	CLN, HNK	huyện Xuyên Mộc	Chi tiết danh sách đính kèm phụ lục

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2	Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5,00		5,00	HNK, CLN	huyện Xuyên Mộc	Chi tiết danh sách đính kèm phụ lục
2.3	Giao đất, cho thuê đất (43)						
a	Đất an ninh (01)						
1	Trụ sở công an (12 xã - huyện Xuyên Mộc)						
1.1	Trụ sở công an xã Hòa Bình	0,10	0,10			xã Hòa Bình	Chuyển tiếp
1.2	Trụ sở công an xã Hòa Hưng	0,10	0,10			xã Hòa Hưng	Chuyển tiếp
1.3	Trụ sở công an xã Bông Trang	0,10	0,10			xã Bông Trang	Chuyển tiếp
1.4	Trụ sở công an xã Xuyên Mộc	0,11	0,11			xã Xuyên Mộc	Chuyển tiếp
1.5	Trụ sở công an xã Hòa Hội	0,12	0,12			xã Hòa Hội	Chuyển tiếp
1.6	Trụ sở công an xã Bưng Riềng	0,10	0,10			xã Bưng Riềng	Chuyển tiếp
1.7	Trụ sở công an xã Hòa Hiệp	0,10	0,10			xã Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
b	Đất cụm công nghiệp (01)						
1	Cụm công nghiệp chế biến hải sản Bình Châu	21,49	21,49			Xã Bình Châu	Chuyển tiếp
c	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (04)						
1	Trường THCS Bình Châu 2	2,08	2,08			Bình Châu	Chuyển tiếp
4	Trường mầm non Hòa Hiệp 3	1,04	1,04			Xã Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
d	Đất công trình giao thông (10)						
1	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Văn Linh	0,48	0,48			Phước Bửu	Chuyển tiếp
3	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 328, huyện Xuyên Mộc (Phước Tân-Phước Bửu-Hồ Tràm) do UBND huyện làm chủ đầu tư	24,01	24,01			Phước Tân - Phước Bửu - Phước Thuận	Chuyển tiếp
4	Nâng cấp, mở rộng 05 tuyến đường đô thị huyện Xuyên Mộc						
4.1	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Hưng Đạo	1,34	1,34			Phước Bửu	Chuyển tiếp
4.2	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Minh Khanh	0,79	0,79			Phước Bửu	Chuyển tiếp
6	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 328, huyện Xuyên Mộc (phần còn lại: đoạn từ nghĩa trang Phước Tân đến QL 55-tuyến tránh 11,56ha và đoạn Bàu Lôm-Tân Lôm 19,64ha)	66,11	66,11			Phước Tân, Hòa Bình; Hòa Hưng; Bàu Lôm; Tân Lôm	Chuyển tiếp
8	Tỉnh lộ 991 (Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Hòa Bình-Bình Châu)	47,10	47,10			Hòa Bình, Hoà Hưng, Hòa Hội,	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
						Bình Châu (XM) và xã Sơn Bình (CĐ)	
9	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 994 (Đoạn từ KDL Trung Thủy đến QL55-Bình Châu)	23,70	23,70			Xã Bình Châu	Chuyển tiếp
10	Đường Hòa Bình - Bung Riềng - Bình Châu (đường 56)	25,87	25,87			Hòa Bình - Hòa Hội - Bông Trang - Bung Riềng	Chuyển tiếp
11	Nâng cấp, mở rộng 05 tuyến đường đô thị (Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Minh Khanh)	0,79		0,79	CHN, CLN, ODT, DKV, DGD	TT. Phước Bửu	Chuyển tiếp
e	Đất công trình thủy lợi (02)						
1	Xây dựng đập dâng Suối Bang huyện Xuyên Mộc	12,60	12,60			Bình Châu	Chuyển tiếp
2	Nạo vét, khơi thông dòng chảy đoạn từ QL 55 đến sông Hòa	1,32	1,32			Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bông Trang	Chuyển tiếp
f	Đất ở (02)						
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư phục vụ di dời các hộ dân đang cư trú trong Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu	10,63	10,63			Xã Bung Riềng	Chuyển tiếp
2	Mở rộng khu TĐC Láng Hàng	2,31	2,31			Xã Bình Châu	Chuyển tiếp
g	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (01)						
1	Nhà nghỉ dưỡng và điều dưỡng Trung ương Đảng và đường vào	14,59	14,59			Xã Bình Châu	Chuyển tiếp
h	Đất tôn giáo (22)						
1	Chùa Bảo Quang	0,85	0,85			Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
2	Tịnh thất Phổ Hiền	0,04	0,04			Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
3	Tịnh thất Tuệ Quang	0,52	0,52			Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
4	Giáo xứ Hoà Thuận	1,71	1,71			Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
5	Cộng Đoàn Vinh Sơn	0,58	0,58			Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
6	Cộng Đoàn Xitô Phước Hiệp	1,00	1,00			Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
7	Chùa Phổ Đà	0,26	0,26			Hòa Hội	Chuyển tiếp
8	NPĐ. Phổ Minh	0,17	0,17			Hòa Hội	Chuyển tiếp
9	Chùa Bửu Thọ Quang	0,15	0,15			Phước Tân	Chuyển tiếp
10	Chùa Linh Quang	0,34	0,34			Hòa Bình	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
11	Thiền Thất Bửu Hạnh	0,42	0,42			Bình Châu	Chuyển tiếp
12	Thiền viện Giác Tuệ	0,48	0,48			Bình Châu	Chuyển tiếp
13	Tịnh thất Ngọc Thuận	0,05	0,05			Bình Châu	Chuyển tiếp
14	Chùa Khánh An	0,45	0,45			Bình Châu	Chuyển tiếp
15	Chùa Bảo Minh	0,13	0,13			Bình Châu	Chuyển tiếp
16	Cơ sở Đạo Hòa Hưng	0,12	0,12			Hòa Hưng	Chuyển tiếp
17	Viên Tuệ Tự	0,58	0,58			Phước Thuận	Chuyển tiếp
18	Chùa Phổ Quang	0,23	0,23			Hòa Hội	Chuyển tiếp
19	Giáo xứ Hoà Hội	1,15	1,15			Hòa Hội	Chuyển tiếp
20	Chùa Bình Quang	4,70	4,70			Hòa Bình	Chuyển tiếp
21	Chùa Viên Thông	0,30	0,30			Bình Châu	Chuyển tiếp
22	Giáo họ Hòa Vinh	0,64	0,64			Hòa Hiệp	
i	Hộ gia đình, cá nhân						
1	Thực hiện giao đất, cho thuê đất (Theo Công văn số 7964/UBND-VP ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh v/v thực hiện việc giao đất, cho thuê đất 705,51ha)	705,51	705,51			Xã Tân Lâm, Xã Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
2	Giao đất ở, tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân	2,00	2,00			Huyện Xuyên Mộc	
2.4	Các khu đất đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất (09)						
1	Khu đất thuộc thửa 48, tờ 63 TT. Phước Bửu	0,15	0,15			TT. Phước Bửu	Chuyển tiếp
2	Đất đổi diện trụ sở ấp Gò Cát (thửa 49, tờ 97 xã Phước Thuận)	0,02	0,02			Xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
4	Đất công ấp Việt Kiều (thửa 59; tờ 23)	0,01	0,01			xã Phước Tân	Chuyển tiếp
5	Đấu giá QSDĐ 16.666,8m ² đất tại Chợ trung tâm huyện Xuyên Mộc	1,67	1,67			xã Xuyên Mộc	Chuyển tiếp
6	Khu đất thuộc thửa 40, tờ 39 xã Hoà Hưng	0,04	0,04			xã Hòa Hưng	Chuyển tiếp
7	Lô đường 3 (thửa 47, tờ 115 xã Hòa Hiệp)	0,02	0,02			xã Hòa Hiệp	Chuyển tiếp
8	Đất công đổi diện diện lực huyện (thửa 111, 864 tờ 03 xã Phước Thuận)	0,31	0,31			xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
9	Khu đất thuộc thửa 33 tờ 63 TT Phước Bửu	0,01	0,01			TT. Phước Bửu	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2.5	Công trình, dự án thực hiện theo hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất (01)						
a	Đất nông nghiệp (01)						
1	Phân khu nông trại cây ăn quả (Công ty CP cao su Hoà Lâm)	1.220,00	1.220,00			Xã Tân Lâm	Chuyển tiếp
2.6	Công trình, dự án thực hiện theo hình thức kêu gọi đầu tư, lập thủ tục đầu tư dự án (02)						
1	Nhà ở xã hội tại xã Phước Thuận	13,00	13,00			xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
2	Nhà ở xã hội tại xã Bình Châu	14,30	14,30			xã Bình Châu	Chuyển tiếp
1	Nhà ở xã hội tại Phước Bửu	1,10	1,10			TT. Phước Bửu	Chuyển tiếp
2	Khu dân cư Láng Hàng	12,00	12,00			xã Bình Châu	Chuyển tiếp
3	Khu 10 ha tôm giống	10,00	10,00			xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
4	Khu 141 ha	141,00	141,00			xã Phước Thuận	Chuyển tiếp
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai						
III	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp tại khoản 5 Điều 116 Luật đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch						
III.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
III.2	Các công trình, dự án còn lại						
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng (10)						
a	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (01)						
1	Trường tiểu học Láng Sim, huyện Xuyên Mộc	1,67		1,67	HNK, CLN	TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
b	Đất công trình giao thông (06)						
1	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 329, huyện Xuyên Mộc (giai đoạn 2)	24,09	24,06	0,03	CLN	Xã Hoà Hội, Xã Hoà Hiệp	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2	Đường Vành đai Bàu Bàng, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc	17,80		17,80	HNK, CLN, NTS, ONT, SKS, SKC, CSD	Xã Bình Châu	Đăng ký mới
3	Đường Phan Châu Trinh - thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	6,20		6,20	HNK, CLN, NTS, ODT, NTD	TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
4	Đường ven Sông Hỏa liên xã Xuyên Mộc – Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	17,00		17,00	HNK, CLN, RDD, ONT, ODT, DTL	TT. Phước Bửu, Xã Xuyên Mộc	Đăng ký mới
5	Đường quy hoạch D9 đô thị mới Hồ Tràm	9,10		9,10	HNK, CLN, NTS, RPH, ONT	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
6	Đường cao tốc kết nối sân bay Long Thành tới khu vực Hồ Tràm huyện Xuyên Mộc	131,99		131,99	CLN, CQP, DGT, DRA, DVH, HNK, LUC, NTD, NTS, ONT, RDD, SKC, TMD	Xã Phước Tân, Hòa Bình, Xuyên Mộc, Bông Trang	Đăng ký mới
c	Đất công trình thủy lợi (02)						
1	Nạo vét, khơi thông dòng chảy đoạn từ QL 55 đến sông Hỏa	1,32	1,21	0,11	LUK	TT. Phước Bửu, xã Xuyên Mộc	Đăng ký mới
2	Công trình bảo vệ bờ biển hồ tràm	3,76		3,76	TMD, BCS, RDD	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
d	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (01)						
1	Chỉnh trang khu vực ngã tư Hồ Tràm huyện Xuyên Mộc	3,30		3,30	TMD, DGT, ONT, HNK, CLN, RDD	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất (16)						
a	Đất chăn nuôi tập trung (04)						
1	Khu nông trại Hoa Lâm	131,94		131,94	CLN	Xã Hòa Hiệp	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2	Trang Trại nuôi heo Trang Linh	41,53	41,53		CNT	Xã Bông Trang	Đăng ký mới
3	Trại nuôi heo Nhất Tiến Phát	6,38	6,38		CNT	Xã Hòa Hội	Đăng ký mới
4	Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản Đức Toàn Tâm	5,80	5,80		CNT	Xã Bưng Riềng	Đăng ký mới
b	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (02)						
1	Di dời mộ để xây dựng Công viên Văn hóa - thể thao tại khu đất nghĩa địa khu vực Láng Sim, thị trấn Phước Bửu	1,70		1,70	NTD	TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
2	Trụ sở ấp 3	0,15		0,15	CLN	Xã Bàu Lâm	Đăng ký mới
c	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá (01)						
1	Hồ Hoa Lâm	30,00		30,00	CLN	Xã Tân Lâm	Đăng ký mới
d	Đất thương mại, dịch vụ						
1	Chuyển mục đích thửa 7, 8 tờ 28 sang thương mại dịch vụ	0,57		0,57	HNK, CLN	TT. Phước Bửu	
e	Đất ở tại nông thôn (04)						
1	Khu nhà ở Trường Thành - Hồ Tràm 1	6,28		6,28	ONT, NTS, CLN	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
2	Khu nhà ở Trường Thành - Hồ Tràm 2	6,84		6,84	ONT, HNK, CLN	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
3	Dự án Khu dân cư Sông Ray Hồ Tràm (Công ty Cổ phần Sông Hồng Vũng Tàu)	49,55		49,55	ONT, CLN, NTS, HNK, DGT	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
4	Dự án Khu nhà ở Hùng Đông Hồ Tràm (Công ty TNHH Đầu tư xây dựng nhà Phước Thuận)	1,35		1,35	ONT, CLN	Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
f	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân						
1	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	35,00		35,00	LUC	Huyện Xuyên Mộc	Đăng ký mới
2	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở tại đô thị	0,20		0,20	LUC	TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
3	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở tại nông thôn	3,00		3,00	LUC	Huyện Xuyên Mộc	Đăng ký mới
4	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ	1,00		1,00	LUC	Huyện Xuyên Mộc	Đăng ký mới
2.3	Giao đất, cho thuê đất (19)						

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
a	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (01)						
1	Trường tiểu học Láng Sim, huyện Xuyên Mộc	1,67	1,67			TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
b	Đất công trình giao thông (09)						
1	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 329, huyện Xuyên Mộc (giai đoạn 2)	24,09	24,09			Xã Hoà Hội, xã Hoà Hiệp	Đăng ký mới
2	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 994 đoạn từ ngã ba Long Phù đến cầu Sông Ray, đoạn nhánh kết nối với tỉnh lộ 44B và các cầu trên tuyến	0,67	0,67			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 328 (giai đoạn phần còn lại) huyện Xuyên Mộc	31,21	31,21			Xã Phước Tân, xã Bàu Lâm, xã Tân Lâm, xã Phước Thuận, TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
4	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 994 (đường ven biển Vũng Tàu Bình Châu) đoạn từ cầu sông Ray KM49+028,35 đến Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Trung Thủy Km70+506,55 huyện Xuyên Mộc	99,86	99,86			Xã Phước Thuận, xã Bưng Riềng, xã Bông Trang, xã Bình Châu	Đăng ký mới
5	Đường Vành đai Bàu Bàng, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc	17,80	17,80			Xã Bình Châu	Đăng ký mới
6	Đường Phan Châu Trinh - thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	6,20	6,20			Xã Phước Bửu	Đăng ký mới
7	Đường ven Sông Hòa liên xã Xuyên Mộc – Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc	17,00	17,00			TT Phước Bửu, xã Xuyên Mộc	Đăng ký mới
8	Đường quy hoạch D9 đô thị mới Hồ Tràm	9,10	9,10			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
9	Đường cao tốc kết nối sân bay Long Thành tới khu vực Hồ Tràm huyện Xuyên Mộc	131,99	131,99			Xã Phước Tân, Hòa Bình, Xuyên Mộc, Bông Trang	
c	Đất công trình thủy lợi (03)						
1	Hợp phần bồi thường thiệt hại, di dân, tái định cư hồ chứa nước Sông Ray (Khu đầu mối và kênh chính đoạn I) phần thu hồi đất bổ sung đến cao trình 73.2m	4,11	4,11			xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2	Nạo vét, khơi thông dòng chảy đoạn từ QL 55 đến sông Hỏa	1,32	1,32			TT. Phước Bửu, xã Xuyên Mộc	Đăng ký mới
3	Công trình bảo vệ bờ biển hồ tràm	3,76	3,76			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
d	Đất công trình phòng, chống thiên tai (01)						
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Bến Lội - Bình Châu	73,80	73,80			Xã Bình Châu	Đăng ký mới
e	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (01)						
1	Công ty TNHH XD TMDV Minh Tuấn	5,40	5,40			Xã Phước Tân	Đăng ký mới
f	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (03)						
1	Di dời mộ để xây dựng Công viên Văn hóa - thể thao tại khu đất nghĩa địa khu vực Láng Sim, thị trấn Phước Bửu	1,70	1,70			TT. Phước Bửu	Đăng ký mới
2	Chỉnh trang khu vực ngã tư Hồ Tràm huyện Xuyên Mộc	3,30	3,30			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
3	Trụ sở ấp 3	0,15	0,15			Xã Bàu Lâm	Đăng ký mới
g	Đất tôn giáo (01)						
1	Giáo họ biệt lập Tân Lâm	0,73	0,73			Xã Tân Lâm	Đăng ký mới
2.5	Các khu đất đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất (01)						
1	Điểm dừng chân, tham quan, nghỉ dưỡng thác Hòa Bình	4,50	4,50			Xã Hòa Bình	Đăng ký mới
2	Khu thương mại dịch vụ. Công viên vui chơi, giải trí Hồ Tràm	136,93	136,93			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
3	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập (Khu đất 10,26ha giữa 02 dự án Khu biệt thự Mặt Trời Buổi Sáng và Khu Biệt thự Ngân Hiệp)	10,26	10,26			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
4	Bệnh viện đa khoa tại đô thị mới Bình Châu	3,00	3,00			Xã Bình Châu	Đăng ký mới
5	Khu dịch vụ du lịch Hồ Tràm 24 (Khu 10ha tôm)	8,50	8,50			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới
6	Khu đất 26,55ha (thu hồi từ dự án Khu du lịch Quảng Trọng)	26,55	26,55			Xã Phước Thuận	Đăng ký mới